

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 tháng 8 năm 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Nhất.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Ngọc Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn Th1 , sinh năm 1971. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn PĐ , xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị M1 , sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn PĐ (trước là thôn Muống), xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Đỗ Văn Th1 trình bày:**

- Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Nguyễn Thị M1 kết hôn với nhau từ ngày 13/5/2014. Trước khi kết hôn chúng tôi có được tự nguyện tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới,

bà M1 về chung sống cùng gia đình ông. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng ông bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được trong việc phát triển kinh tế gia đình, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vì thế bà M1 đã bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Ngày 29/10/2020, ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B tuyên bố mất tích đối với bà M1. Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố mất tích đối với bà M1. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu được ly hôn bà Nguyễn Thị M1.

- Về con chung: Ông Th1 và bà M1 chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông và bà M1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Nguyễn Thị M1, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn PĐ (trước là thôn Muống), xã SM, thành phố B, tỉnh Bắc Giang mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố B.

* Tại Biên bản xác minh của Tòa án ngày 23/5/2022 đối với ông Đỗ Văn Tuyết - Trưởng thôn PĐ, xã SM, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp như sau: Ông Th1 và bà M1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SM, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, bà M1 về sinh sống cùng với gia đình Ông Th1 tại thôn Muống (nay là Thôn PĐ), xã SM, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông Thịnh, bà M1 có xảy ra mâu thuẫn nên từ tháng 8 năm 2015 thì bà M1 đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Từ thời gian đó đến nay, bà M1 không có mặt tại địa phương. Hiện nay, bà M1 ở đâu, làm gì địa phương không nắm được. Nay Ông Th1 xin ly hôn bà M1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều

273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Văn Th1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị M1 .

+ Về án phí: Ông Th1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Nguyễn Thị M1 có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thôn PD (trước là thôn Muống), xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn” giữa Ông Th1 và bà M1 là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Th1 có đơn xin xử vắng mặt, bà M1 là người đã bị tuyên bố mất tích nên vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Th1 và bà M1 kết hôn ngày 13/5/2014 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Ông Th1 thấy: Theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2021/QĐST-DS ngày 20/4/2021, Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên bố mất tích đối với bà Nguyễn Thị M1 , sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn PD (trước là thôn Muống), xã SM , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Th1 đối với bà M1 .

[3] Về con chung: Ông Th1 và bà M1 chưa có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Ông Th1 xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Ông Th1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn Th1 được ly hôn bà Nguyễn Thị M1 .

2. Về án phí: Ông Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác định Ông Th1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001550 ngày 23 năm 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã SM , thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Dương Đình Hưng